

# Phát triển văn hóa đọc trong tiếp nhận văn học nhìn từ tác phẩm *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ

**TS. VŨ THỊ HẠNH**

(Khoa Báo chí - Truyền thông & Văn học  
Trường Đại học Khoa học, Đại học Thái Nguyên)

## 1. Văn hóa đọc và vai trò của việc phát triển văn hóa đọc trong giảng dạy tác phẩm văn học

Văn hóa đọc là một “từ khóa” quan trọng, thường được lý giải ở nhiều góc độ khác nhau. Nhưng theo nghĩa hẹp, văn hóa đọc chính là kỹ năng, thói quen đọc sách hướng tới mục tiêu, giá trị đọc.

Với vai trò, tầm quan trọng của văn hóa đọc, đặc biệt là đối với sách – một tài sản quý giá của nhân loại, việc phát triển văn hóa đọc trong đó chú trọng hình thành và phát triển kỹ năng đọc sách là điều hết sức quan trọng. Đối với văn học – một thành tố của văn hóa, được sáng tạo, bảo tồn trong chiều dài lịch sử văn học, trải qua những biến động của lịch sử - chính trị - xã hội, sự thay đổi của môi trường – không gian văn hóa đã khiến cho việc tiếp nhận tác phẩm văn học (đặc biệt là những tác phẩm văn học thời kỳ trung đại) đã và đang trở thành một thách thức không nhỏ đối với bạn đọc trẻ đương đại. Thực tế cho thấy, chính sự hạn chế trong văn hóa đọc đã khiến cho các tác phẩm văn học trung đại dần mất đi sức hấp dẫn đối với người học, đặc biệt là giới trẻ học

đường. Bởi vậy, phát triển văn hóa đọc trong giảng dạy Ngữ văn (đặc biệt là phát triển kỹ năng đọc sách) có ý nghĩa như một chiếc chìa khóa quan trọng mở ra cơ hội cho người học không chỉ tiếp nhận trọn vẹn giá trị tác phẩm mà còn mang lại niềm đam mê, hứng thú đối với tác phẩm.

Một cách tương đối, căn cứ vào những năng lực tư duy của người học mà việc phát triển văn hóa đọc nói chung và phát triển tư duy đọc sách nói riêng có thể được chia thành nhiều cấp độ: kỹ năng đọc hiểu văn bản tác phẩm và kỹ năng tư duy phản biện.

Phát triển kỹ năng đọc hiểu văn bản chính là phát triển kỹ năng phát hiện, phân tích, lý giải ý nghĩa của tác phẩm thông qua các thành tố cấu thành của văn bản như cốt truyện, kết cấu, nhân vật, đối thoại, không gian, thời gian... Người đọc khi đó, với một thái độ đọc tích cực, “nhập cuộc”, “hóa thân” vào các hình tượng nghệ thuật với những cảm xúc thẩm mỹ, tri thức và kinh nghiệm của riêng mình, bồi đắp giá trị cho tác phẩm, đưa tác phẩm nghệ thuật hòa nhập vào vũ trụ tình cảm, cảm xúc, tư duy của riêng mình.



Để phát triển kỹ năng tư duy phản biện trong giảng dạy Ngữ văn đòi hỏi ở người đọc khi tiếp cận một hiện tượng văn học cần phải đặt hiện tượng văn học đó trong hệ quy chiếu đồng đại và lịch đại (không gian văn hóa thời đại hay bối cảnh ra đời của tác phẩm/hiện tượng văn học đó; xem xét vị trí của hiện tượng/vấn đề đó trong tiến trình lịch sử văn học; mối liên hệ/ sức sống/ sự phù hợp hay không phù hợp của những vấn đề đó với đời sống văn hóa đương đại; những giá trị đóng góp riêng từ cách đọc mới thông qua việc nghiên cứu và tiếp nhận...) Trong các thang bậc phát triển của văn hóa đọc, việc phát triển kỹ năng tư duy phản biện có vai trò đặc biệt quan trọng. Nó thể hiện sự tích cực, chủ động, sáng tạo của người đọc nhằm chiếm lĩnh những giá trị của tác phẩm trong cái nhìn phản biện và rộng mở hơn.

## **2. Phát triển văn hóa đọc trong tiếp nhận tác phẩm văn học: nhìn từ trường hợp *Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ**

Như trên đã trình bày, vấn đề phát triển văn hóa đọc có thể được xem xét ở kỹ năng đọc hiểu văn bản và kỹ năng tư duy phản biện, vì thế, để hiểu rõ hơn vấn đề này qua một tác phẩm cụ thể (*Chuyện người con gái Nam Xương* của Nguyễn Dữ), tác giả bài viết đã đặt tác phẩm trong không gian văn hóa trung đại để đọc hiểu văn bản và không gian văn hóa đương đại để đặt ra những vấn đề có khả năng phát triển tư duy phản biện ở người học. Thông qua việc xem xét tác phẩm từ nhiều góc nhìn, việc phát triển văn hóa đọc sẽ giúp người đọc thấy được

vị trí của tác phẩm trong tiến trình lịch sử văn học cũng như mối liên hệ, sức sống bền bỉ cũng như những giá trị thời đại và bài học được rút ra từ tác phẩm đối với độc giả đương đại.

### **2.1. Chuyện người con gái Nam Xương trong không gian văn hóa trung đại**

Trong lịch sử văn học Việt Nam, Nguyễn Dữ được coi là một trong số những nhà văn tiêu biểu nhất thế kỷ XVI. Là một học trò giỏi của Trạng Trình, lại sống trong lòng xã hội phong kiến suy tàn, sau khi thi đỗ hương cống, Nguyễn Dữ làm quan trong khoảng thời gian ngắn ngủi rồi lui về ở ẩn, viết văn để bày tỏ thái độ trước thời cuộc của một trí thức tâm huyết nhưng không gặp thời. Cùng với *Thánh Tông di thảo* của Lê Thánh Tông, *Truyền kì tân phả* của Đoàn Thị Điểm, *Truyền kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ đã góp phần làm nên những thành tựu tiêu biểu của văn học Việt Nam thời trung đại. Tác phẩm viết bằng chữ Hán, gồm 20 truyện, trong đó, nhân vật chính thường là những người phụ nữ đức hạnh, khao khát một cuộc sống yên bình, hạnh phúc nhưng bị các thế lực bạo tàn và cả lễ giáo hà khắc xô đẩy họ vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất, bất hạnh. *Chuyện người con gái Nam Xương* (có nguồn gốc từ một truyện cổ tích Việt Nam là *Vợ chàng Trương*) là truyện thứ 16 của tác phẩm này. Tác phẩm đã xây dựng khá thành công hình tượng người phụ nữ bị kịch trong tình yêu, hôn nhân, gia đình, để lại những xúc động mạnh mẽ trong lòng người học đương thời cùng hậu thế, qua đó thể hiện niềm cảm thông sâu sắc đối với số phận bất hạnh



của người phụ nữ trong xã hội Việt Nam phong kiến.

Là một nhà Nho sinh ra và lớn lên trong lòng xã hội phong kiến, chịu ảnh hưởng của truyền thống Nho học, mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã xây dựng hình tượng người phụ nữ Vũ Thị Thiết với những phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam theo chuẩn mực Nho giáo: “tính đã thùy mị, nét na, lại thêm tư dung tốt đẹp”. Rõ ràng, qua những miêu tả ngắn gọn ấy, tư tưởng Nho gia đã thể hiện khá rõ nét thông qua việc coi trọng những tiêu chuẩn ứng xử, phẩm hạnh của người phụ nữ (tính tình thùy mị, nét na) sau đó mới đến nữ sắc (“lại thêm tư dung tốt đẹp” – miêu tả rất chung chung về sắc đẹp của Vũ Thị).

Lướt qua rất nhanh “tư dung tốt đẹp” của Vũ Nương, toàn bộ thiên truyện tập trung khắc họa vẻ đẹp ứng xử cùng những phẩm hạnh cao quý của Vũ Nương trong những hoàn cảnh khác nhau. Trong mối quan hệ vợ chồng hàng ngày, dù Trương Sinh luôn đa nghi và phòng ngừa quá sức, Vũ Nương vẫn luôn thể hiện mình là một người vợ hiền thực, khôn khéo, nét na đúng mực, một mực giữ gìn khuôn phép, chưa từng để vợ chồng phải đến thất hòa. Trước lúc tiễn biệt Trương Sinh, Vũ Nương bộc lộ ân tình đậm thắm của tình nghĩa vợ chồng gắn bó thủy chung: “chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi... Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét gửi người ải xa, trông liễu rủ

bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú. Dù có thư tín ngàn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”. Cách biệt ba năm xa vắng chồng, Vũ Nương một lòng “đoan trang giữ gìn một tiết, trinh bạch gìn lòng”, “tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”. Thủy chung buồn nhớ chồng theo năm tháng nhưng Vũ Nương vẫn làm tròn vai trò của một người mẹ hiền (vắng chồng, nàng hết lòng yêu thương, chăm chút con thơ, tìm mọi cách để con trai bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha), dâu thảo (tận tâm chăm sóc mẹ chồng, những khi đau yếu một lòng hết sức thuốc thang, lễ bái thần Phật, lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn; khi mẹ chồng mất, nàng hết sức thương xót, lo liệu việc ma chay tế lễ như đối với cha mẹ mình). Khi bị chồng ngờ oan, nàng tha thiết được phân trần mong chồng hiểu tấm lòng trinh bạch. Khi tha thiết ấy không thành, bị đối xử tệ bạc (mắng nhiếc, đánh đuổi đi), nàng đau đớn thất vọng đến tận cùng. Không còn cách nào khác, nàng đã mượn dòng nước Hoàng Giang để chứng minh cho tấm lòng trong sáng của mình. Miêu tả hình tượng Vũ Nương, Nguyễn Dữ đã thể hiện thái độ yêu mến, sự trân trọng đối với người phụ nữ với những phẩm chất tốt đẹp, đáng trân trọng.

Song hành cùng những miêu tả về phẩm chất tốt đẹp, cao quý của người phụ nữ, thông qua sự khéo léo đan cài người phụ nữ trong tình yêu và hôn nhân, tác giả đã phơi trần số phận oan nghiệt, bất hạnh của người phụ nữ Việt Nam



trong chế độ xã hội nam quyền.

Song song với hình tượng nhân vật Vũ Nương – người phụ nữ “tam tòng, tứ đức”, Nguyễn Dữ cũng xây dựng nhân vật Trương Sinh như một đại diện tiêu biểu cho chế độ nam quyền. Là con nhà có của, Trương Sinh đã dùng trăm lạng vàng cưới Vũ Nương về. Như thế, ngoài vị thế là người chồng trong một xã hội phong kiến phụ quyền, Trương Sinh còn có vị thế của một kẻ giàu có, bề trên. Thêm vào đó là thói đa nghi, với vợ luôn phòng ngừa quá sức nên trong mối quan hệ vợ chồng, Vũ Nương luôn là người phải nín nhịn, giữ gìn khuôn phép để cuộc sống hôn nhân không đến mức thất hòa. Điều đó cho thấy, cơ sở nền tảng xây dựng nên cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh không phải là tình yêu tự nguyện nam – nữ mà là một mối quan hệ không bình đẳng như bao cuộc hôn nhân khác trong lòng xã hội phong kiến. Vũ Nương ý thức được mình “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”; Trương Sinh “mến vì dung hạnh” (dung được xếp trước hạnh tức nhan sắc đặt trước phẩm hạnh) nên xin mẹ dùng trăm lạng vàng cưới về. Bởi sự chênh lệch giàu/ nghèo, bởi việc lấy vợ giống như một hành động mua bán (xin mẹ trăm lạng vàng cưới về) nên cuộc hôn nhân ấy không có tình yêu, không có tự do. Sự cách bức giàu/ nghèo ấy đã khiến Vũ Nương sinh mặc cảm (“được nương tựa”) và cũng là cái thế khiến Trương Sinh có thể đối xử thô bạo, thể hiện rõ tính gia trưởng với nàng.

Sự gia trưởng, thô bạo của Trương Sinh được đẩy lên đỉnh điểm khi vô tình nghe

được lời nói của Đản. Bản tính đa nghi, khi nghe Đản nói: “Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả”, Trương Sinh đã tin ngay lời con trẻ, không hề suy xét đúng sai, đinh ninh là vợ hư. Hồ đồ, độc đoán, Trương Sinh còn không đếm xỉa đến những lời thanh minh của vợ cũng như lời bênh vực, biện bạch của hàng xóm, la lối, mắng nhiếc, đánh đuổi vợ đi. Đó chính là lí do trực tiếp đẩy Vũ Nương đến tình cảnh bi kịch, không lối thoát và phải chọn cái chết để giải thoát. Qua đó, câu chuyện khắc họa thân phận nhỏ bé, bèo bọt, lệ thuộc của người phụ nữ trong chế độ xã hội nam quyền. Họ không được làm chủ cuộc sống của mình, luôn là kẻ bị động, phải gánh chịu những oan khuất, cay đắng.

Như vậy, khi đặt tác phẩm trong phong nền văn hóa trung đại chúng ta có thể thấy được bối cảnh lịch sử, vị trí của tác phẩm, giá trị hiện thực, giá trị nhân văn của tác phẩm thông qua việc xây dựng hình tượng nhân vật và sự vận động của các hình tượng thẩm mỹ trong không gian và thời gian. Đó là hành trình người đọc “nhập cuộc” vào thế giới nghệ thuật của tác phẩm để cùng thương xót, đồng cảm với những thân phận người phụ nữ bị lệ thuộc trong một xã hội nam quyền.

## **2.2. Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ trong không gian văn hóa đương đại**

Bởi sự giãn cách về thời gian, bởi sự khác biệt trong không gian văn hóa (không gian văn hóa trung đại và không



gian văn hóa đương đại), khi giảng dạy về *Chuyện người con gái Nam Xương*, người dạy có thể hình thành và phát triển tư duy phản biện ở người học trên nhiều phương diện. Trong khuôn khổ bài viết này, người viết chỉ đề cập tới một vài vấn đề cụ thể xoay quanh tác phẩm như:

*Thứ nhất là vấn đề tình yêu và hôn nhân trong tác phẩm.*

Đặt vấn đề tình yêu và hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh trong cái nhìn đồng đại và lịch đại chúng ta có thể thúc đẩy sự hình thành và phát triển tư duy phản biện của người học thông qua việc so sánh, đối chiếu vấn đề tình yêu và hôn nhân trong những không gian văn hóa khác biệt: văn hóa trung đại và văn hóa đương đại. Rõ ràng, khi đặt tác phẩm trong không gian văn hóa trung đại chúng ta có thể thấy nền tảng của cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh không phải là nguyên nhân đưa đến kết thúc bi thảm ở cuối tác phẩm này. Tuy nhiên, dưới nhãn quan của độc giả đương đại, cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh đi đến kết thúc cuối cùng đầy bất hạnh một phần bởi nó không được xây dựng trên nền tảng quan trọng nhất – nền tảng của một tình yêu chân chính - tình yêu dựa trên sự quyến luyến, gắn bó đồng điệu của hai người nam và nữ - là tình cảm thiêng liêng dựa trên cơ sở sự rung cảm, tự nguyện, mong được sống bên nhau và mang lại hạnh phúc cho nhau. “Tình yêu chân chính là cơ sở quan trọng nhất của hôn nhân” (Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân – Sách giáo khoa *Giáo dục công dân 9*).

Chỉ khi hôn nhân đảm bảo được xây dựng dựa trên nền tảng quan trọng này thì đó mới là cuộc hôn nhân thể hiện sự gắn kết giữa nam – nữ trên nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Có bình đẳng và tự nguyện thì cuộc hôn nhân đó mới bền vững và tạo thành một gia đình hòa thuận, hạnh phúc.

Thay vì được xây dựng trên nền tảng quan trọng là một tình yêu chân chính, cuộc hôn nhân giữa Vũ Nương và Trương Sinh xây dựng trên nền tảng của sự cách biệt giàu nghèo trong một xã hội phong kiến phụ quyền. Bởi vậy, trong gia đình, Trương Sinh là người có quyền quyết định mọi việc và một khi Trương Sinh đã quyết định điều gì thì không ai can thiệp được. Những ngày tháng làm vợ Trương Sinh là những ngày tháng Vũ Nương phải chịu đựng để giữ gìn hạnh phúc gia đình. Khi bị nghi oan, Vũ Nương không được thanh minh bởi người chồng gia trưởng đã không cho nàng một cơ hội để giải thích. Khi bị chồng ngược đãi, đánh đập, hành hạ, Vũ Nương cũng không có cách nào chống trả để bảo vệ mình. Là một người phụ nữ nằm trong khuôn khổ lễ giáo phong kiến, khi tự bản thân ý thức cao độ về giá trị của trinh tiết đối với người phụ nữ, Vũ Nương chỉ có con đường duy nhất là tìm đến cái chết để minh oan cho mình. Cái kết tưởng chừng như có hậu (Vũ Nương được minh oan, hiển linh trở về) nhưng thực chất, giây phút ấy vô cùng ngắn ngủi đối với người đàn bà vẫn luôn xem việc được sum họp bên chồng con là hạnh phúc lớn nhất của cuộc đời. Bởi vậy, thực chất những mất mát, bất hạnh của Vũ Nương là không gì bù đắp nổi.



*Thứ hai, vấn đề lý giải nguyên nhân gây ra cái chết của Vũ Nương*

Khi bàn về nguyên nhân gây ra cái chết của Vũ Nương, phần lớn các tài liệu tham khảo *Ngũ văn* lớp 9 hiện nay đều chỉ ra ba nguyên nhân cơ bản: do sự vô tình của đứa con; do sự căm ghen, tính cách gia trưởng, độc đoán, mù quáng cũng như sự vũ phu, thô bạo của Trương Sinh; do cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm cho đôi vợ chồng trẻ phải xa lìa nhau dẫn đến việc chỉ cần một nguyên do không rõ ràng cũng có thể đẩy cuộc hôn nhân đó đến bên bờ vực thẳm.

Quả thực, đó là những nguyên nhân cơ bản, trực tiếp gây ra cái chết của Vũ Nương. Nhưng xem xét một cách kĩ lưỡng từ nhiều góc nhìn (từ quan điểm bình đẳng giới, Luật Hôn nhân và gia đình, và vận dụng kiến thức liên môn, liên ngành khác), rõ ràng bên cạnh những nguyên nhân trên, bi kịch ấy còn nằm trong chính nền tảng, cơ sở, tính chất của cuộc hôn nhân không tình yêu, bất bình đẳng. Và quan trọng hơn, nguyên nhân gây ra cái chết còn nằm trong chính thái độ của người phụ nữ. Cái chết đó là lựa chọn của Vũ Nương (vì với Vũ Nương đó là con đường cùng, là con đường duy nhất để chứng minh sự trong sạch của mình). Tuy nhiên, nếu như Vũ Nương có được một tinh thần bình đẳng hơn trong mối quan hệ nam – nữ, nếu Vũ Nương có một tinh thần phản kháng mạnh mẽ hơn, không coi trinh tiết như lễ sống còn thì có lẽ Vũ Nương đã không hy sinh mạng sống (vốn là cái quý giá nhất của cuộc đời con người) mà rời xa gia đình, đặc biệt là đứa

con mới lên ba tuổi của mình chỉ để giữ gìn hai chữ “trinh tiết”. Nói như vậy không có nghĩa là trách móc Vũ Nương bởi thực tế bối cảnh lịch sử xã hội Việt Nam thế kỷ XVI – thời kỳ xã hội phong kiến suy tàn thật khó có thể có được một cuộc “vượt thoát tư tưởng” để tự giải phóng mình.

Đối với độc giả đương đại ngày nay, tư duy phản biện về nguyên nhân gây ra cái chết của Vũ Nương có vai trò rất quan trọng. Đó là cái nhìn lịch đại đối với một tác phẩm văn học trong quá khứ để tìm ra những kiến giải phù hợp và chưa thực sự phù hợp với bối cảnh xã hội đương đại hiện nay. Điều này là hết sức cần thiết bởi tác phẩm này được đưa vào giảng dạy trong trường học và đối tượng tiếp nhận trực tiếp chính là học sinh lớp 9 – lứa tuổi quan trọng trong việc phát triển những nhận thức về giới cũng như giá trị bản thân.

*Thứ ba, vấn đề thái độ ứng xử với nhân vật Trương Sinh*

Trong Sách giáo khoa *Ngũ văn* 9 tập 1, ngay sau phần văn bản và hướng dẫn đọc hiểu văn bản *Chuyện người con gái Nam Xương* là phần đọc thêm *Lại bài viếng Vũ Thị* – một trong hai bài thơ viếng Vũ Nương trích từ *Hồng Đức quốc âm thi tập* của vua Lê Thánh Tông. Bằng một giọng thơ nhẹ nhàng và thương cảm, bài thơ bộc lộ thái độ đồng cảm, trân trọng, ca ngợi tiết hạnh của một bậc đế vương đối với người phụ nữ bình dân bạc mệnh đồng thời nhẹ nhàng chê trách sự hồ đồ, nông cạn, tàn nhẫn của Trương Sinh. Toàn bộ thái độ ứng xử của vua Lê Thánh Tông đối với nhân vật Trương Sinh được



thể hiện ở câu cuối của bài thơ: “Khá trách chàng Trương khéo phũ phàng”. Chữ “khá trách” và “khéo phũ phàng” thể hiện một thái độ trách cứ tuy kín đáo, sâu sắc nhưng cũng khá nhẹ nhàng đối với Trương Sinh. Trong không gian văn hóa trung đại – không gian văn hóa nam quyền, thái độ trách cứ ấy có thể được xem là phù hợp.

Tuy nhiên, khi đặt hình tượng nhân vật Trương Sinh trong không gian văn hóa đương đại, thái độ “khá trách” liệu có thỏa đáng không? Rõ ràng, khi xem xét thái độ ứng xử “khá trách” ấy trong đời sống đương đại – thời mà vai trò, vị thế của người phụ nữ đang dần được nâng cao, thời và các công cụ pháp lý trong việc bảo vệ và bênh vực quyền bình đẳng người phụ nữ đã được thiết lập (*Luật Bình đẳng giới* (2006), *Luật Phòng, chống bạo lực gia đình* (2008), *Luật Hôn nhân và gia đình* (2014), *Bộ luật Hình sự* (2015)) thì thái độ ứng xử với Trương Sinh như vậy thật quá nhẹ nhàng.

Dưới lăng kính của độc giả hôm nay, nếu xem Vũ Nương là nạn nhân thì Trương Sinh chính là chủ thể của tội ác. Bởi những nguyên nhân khác nhau nhưng hành động tàn nhẫn của Trương Sinh là nguyên nhân chính dẫn đẩy Vũ Nương đến cái chết. Đặc biệt, với những công cụ pháp lý đã được thiết lập và ngày càng củng cố, những hành động ngược đãi, làm nhục gây đau khổ về thể chất và tinh thần người lệ thuộc mình khiến người đó lâm vào bế tắc mà phải tự sát như của Trương Sinh cần phải bị trừng phạt thích đáng trước pháp luật.

### Kết luận

Phát triển văn hóa đọc có vai trò hết sức quan trọng trong việc “nâng tầm” chất lượng của việc tiếp nhận tác phẩm văn học. Bởi thói quen thụ động trong tiếp nhận cũng như áp lực về thời gian và điểm số, việc phát triển kĩ năng đọc (đọc hiểu và đọc phản biện về các vấn đề được đặt ra dưới góc nhìn đồng đại và lịch đại) trong dạy và học Ngữ văn hiện nay vẫn còn vấp phải những rào cản rất lớn. Tư duy “lối mòn”, tâm lý ngại phản biện với những giá trị đã được định hình đã “đóng khung” giá trị của tác phẩm, làm tác phẩm mất đi sức hấp dẫn cũng như sức sống của nó đối với độc giả đương đại. Tất cả những khó khăn, những rào cản này cần được khắc phục để “cởi trói” cho những tư duy mới trong tiếp nhận tác phẩm văn học được nảy nở. Khi đó, tác phẩm sẽ được sống đúng cuộc đời của nó trong tinh thần “đồng sáng tạo” của người đọc.

### Tài liệu tham khảo:

- (1) Nguyễn Khắc Phi (Tổng Chủ biên, 2017), *Ngữ văn 9*, trang 43, tập 1, NXB Giáo dục
- (2) Nguyễn Hữu Viêm (2009), “Văn hóa đọc và phát triển văn hóa đọc ở Việt Nam”, *Tạp chí Thư viện Việt Nam*, số 1 (17).
- (3) Phạm Trọng Thủy (2016), “Phát triển văn hóa đọc trong nhà trường góp phần nâng cao chất lượng dạy và học”, *Hội thảo thư viện toàn quốc “Nền tảng CNTT trong hoạt động thông tin thư viện phục vụ đổi mới giáo dục ĐH - CĐ trong thời kỳ hội nhập”*, Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế, trang 144-147
- (4) Hoàng Thị Phượng (2010), “Vai trò của giáo viên trong việc định hướng văn hóa đọc cho học sinh”, *Dạy và học ngày nay*, số 9 – 2010, tr19.